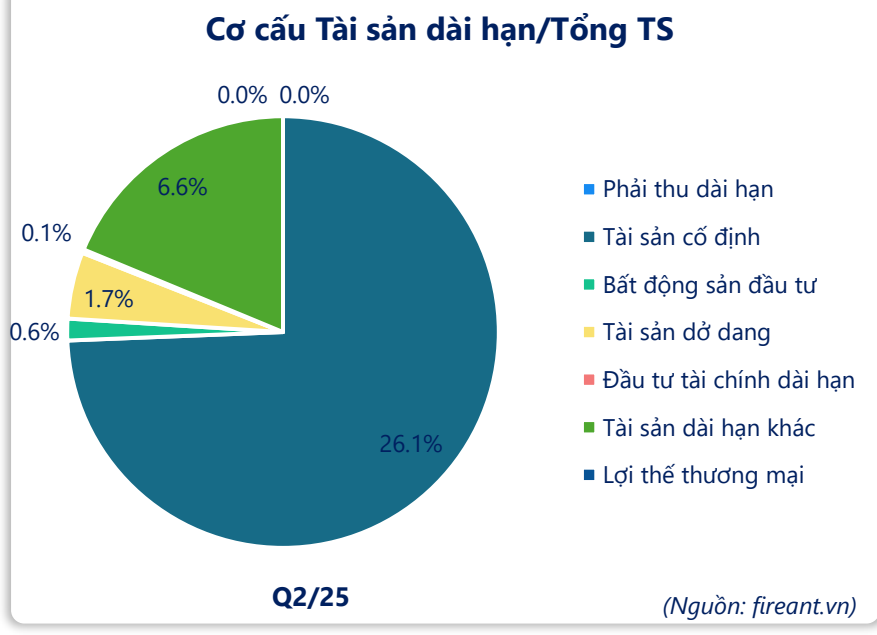
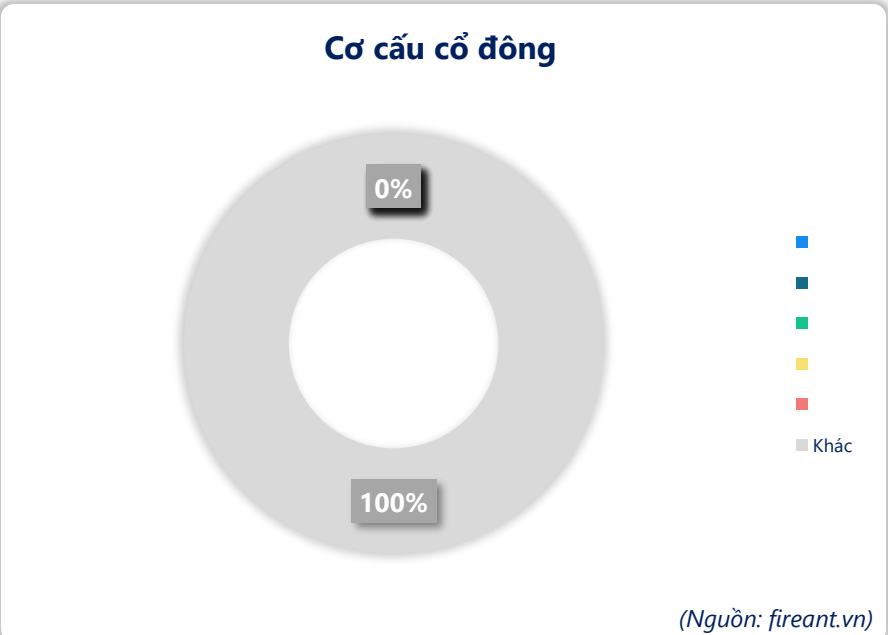
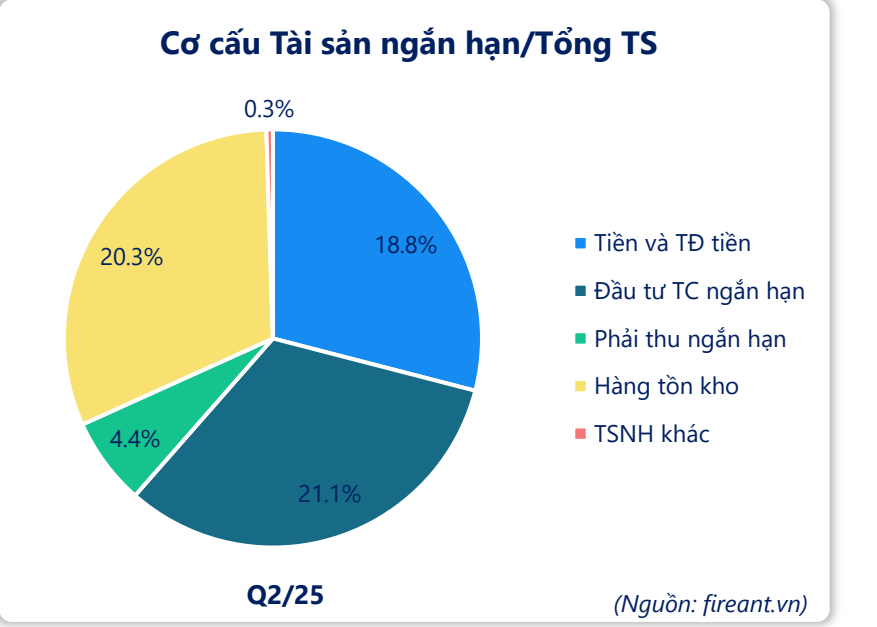
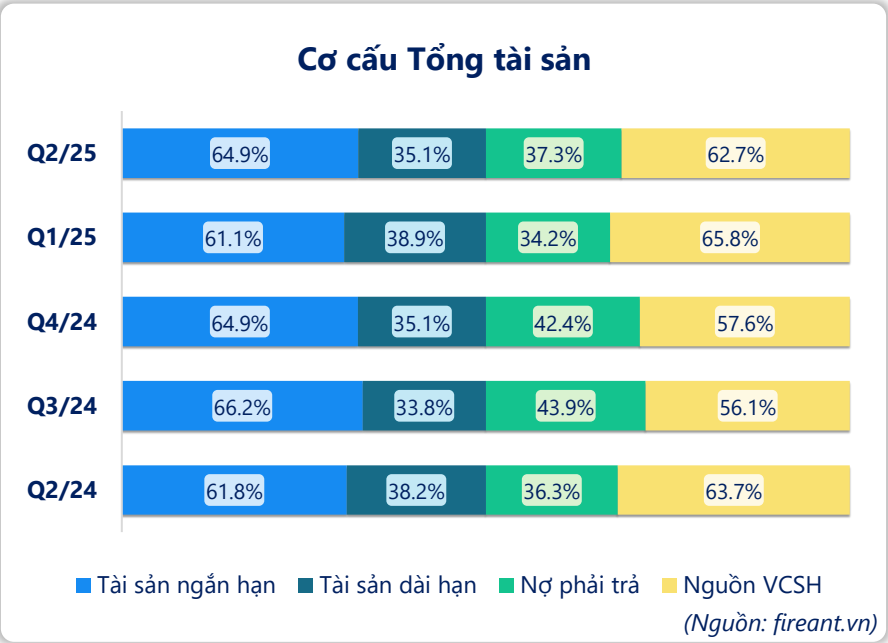
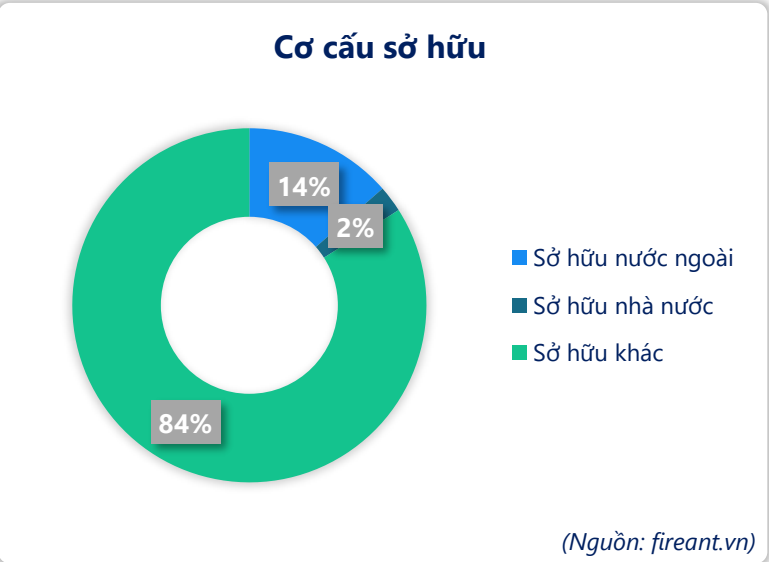
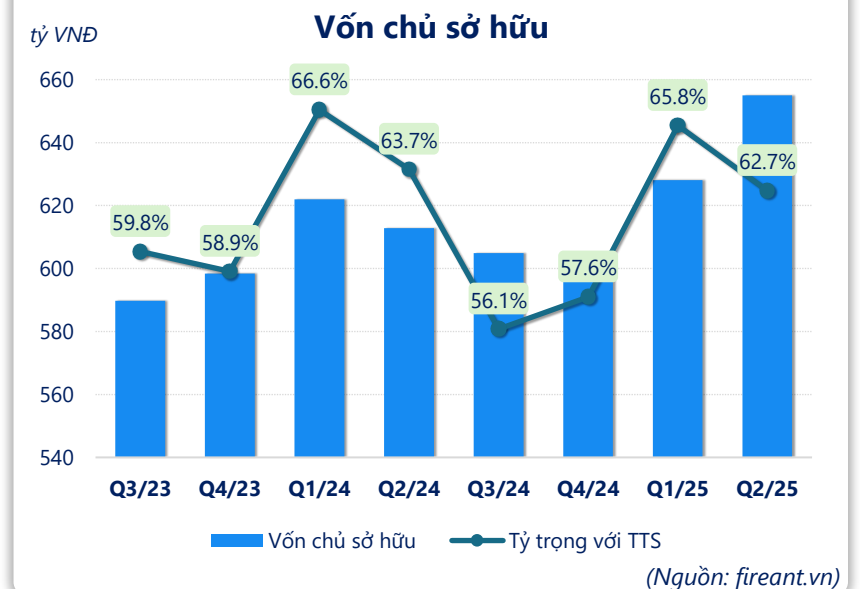
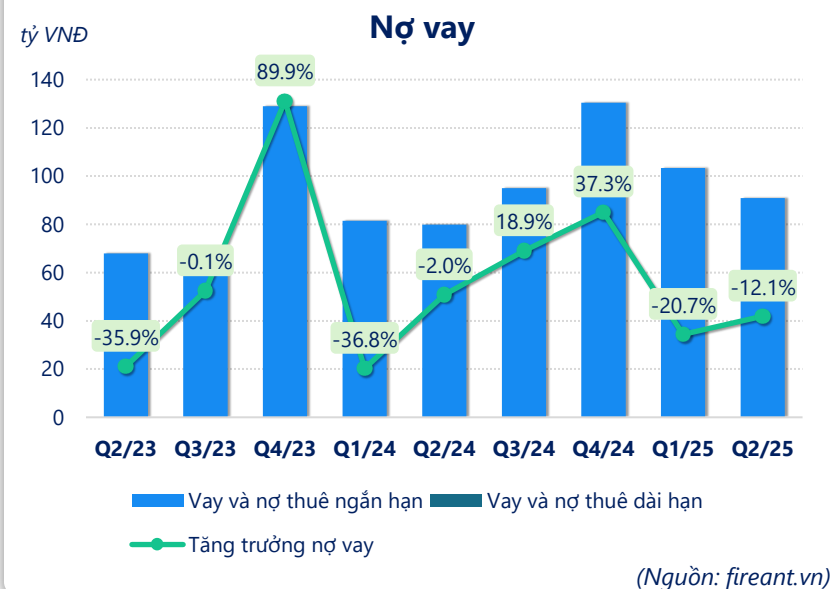
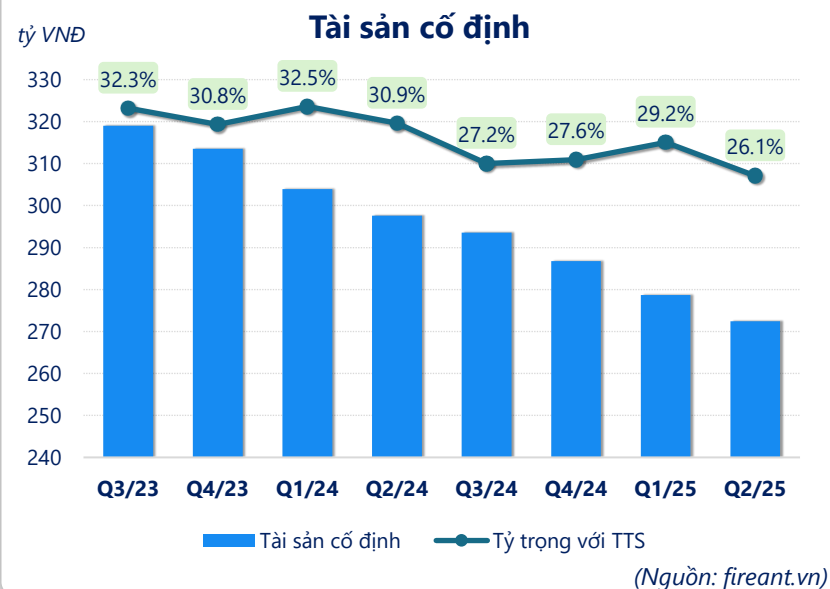
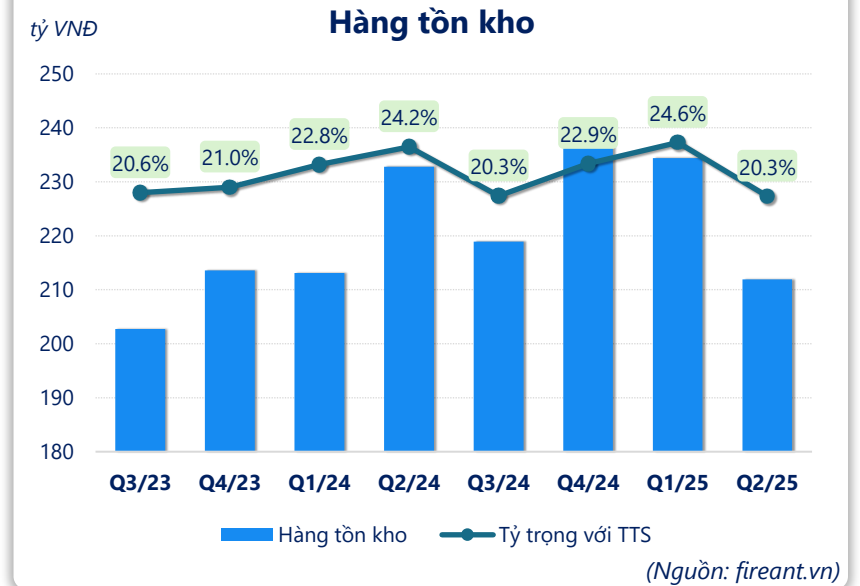
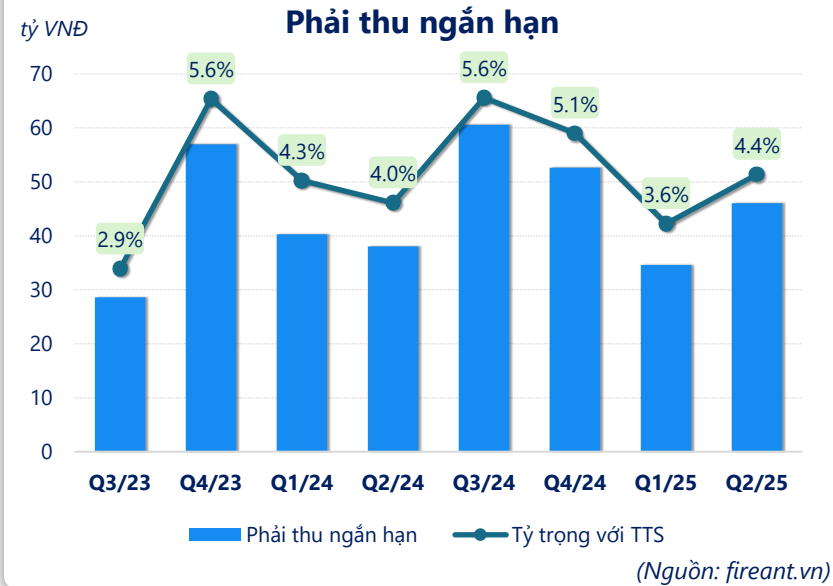
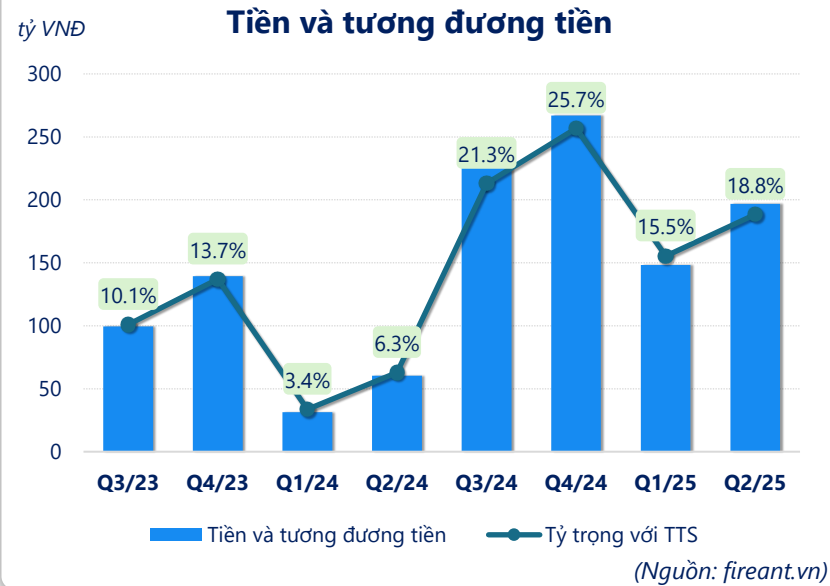
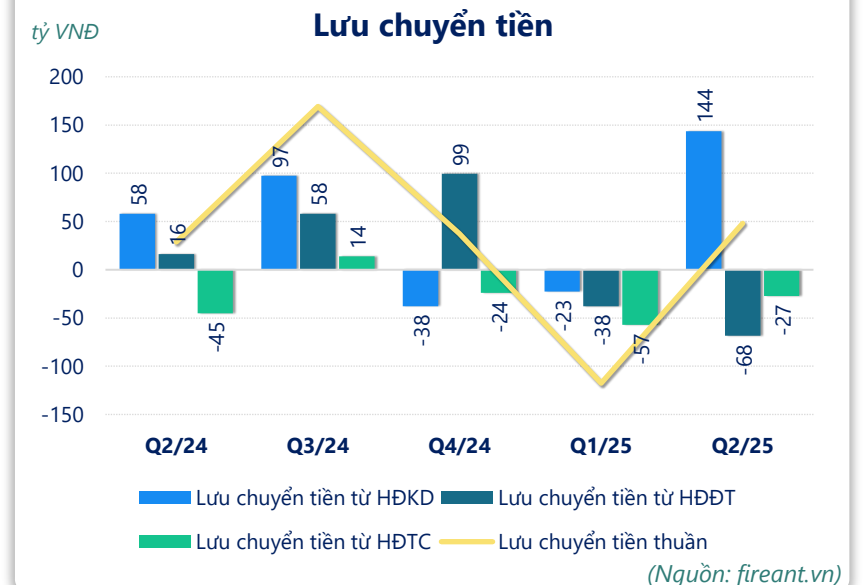
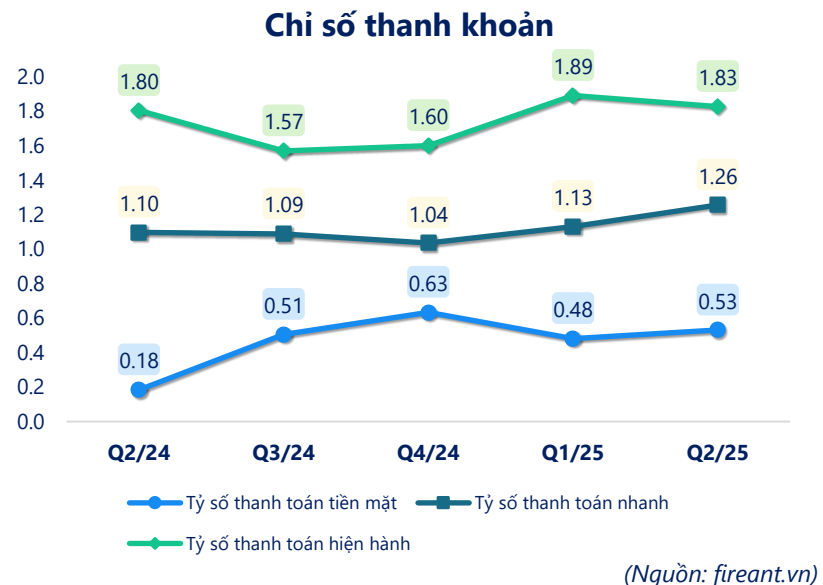
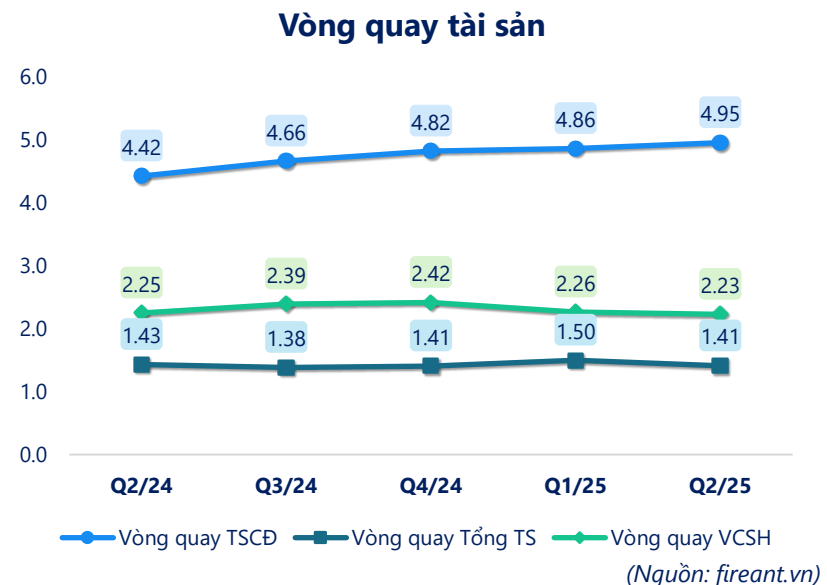
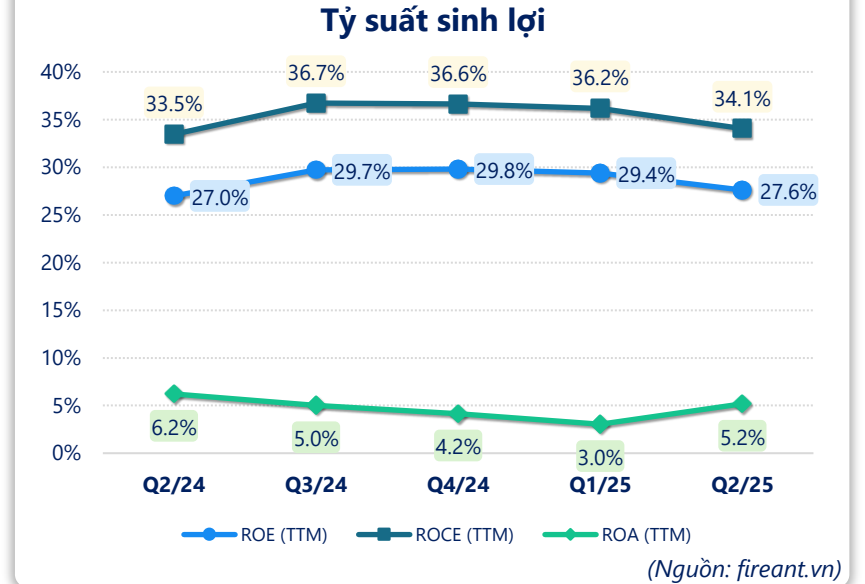
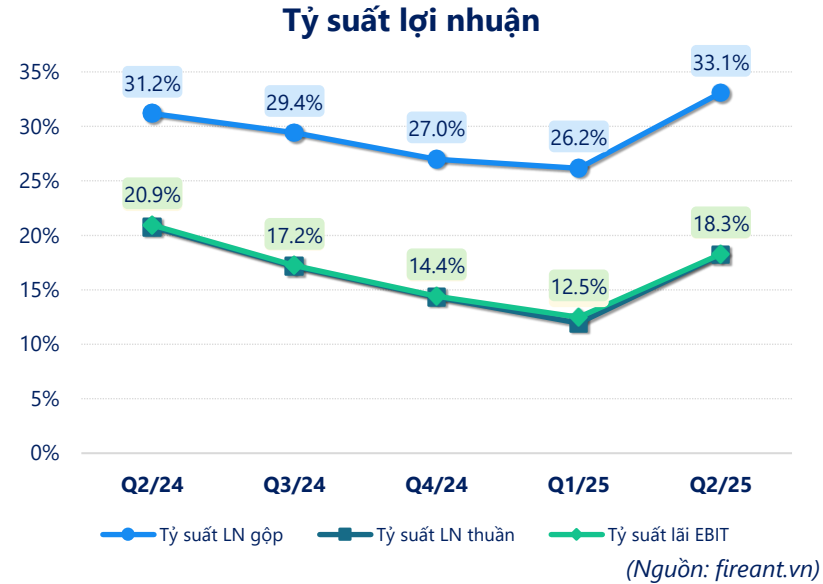
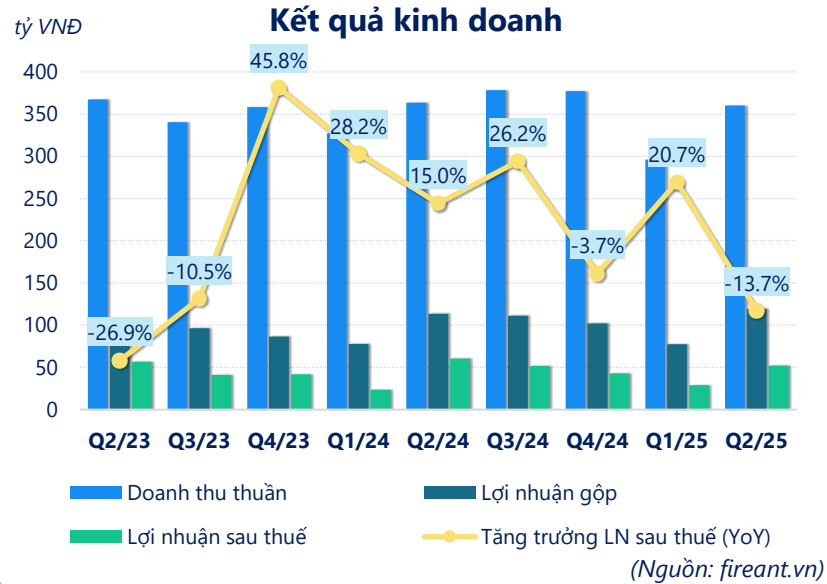


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		40,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		40,457
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		32,051
SL cổ phiếu LH		29,846,648
KLGD BQ 20 phiên (CP)		12,925
% sở hữu nước ngoài		13.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,218
P/E		7.0
EPS		5,866

	YTD	1T	3T	6T
SMB	2.1%	4.7%	2.2%	2.0%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,045	1,040	0.5%
Tài sản ngắn hạn	678	674	0.5%
Tiền và tương đương tiền	197	267	-26.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	220	113	94.7%
Phải thu ngắn hạn	46.0	52.6	-12.5%
Hàng tồn kho	212	238	-10.9%
Tài sản ngắn hạn khác	3.42	3.92	-12.7%
Tài sản dài hạn	366	365	0.3%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	272	287	-5.0%
Bất động sản đầu tư	5.95	6.12	-2.8%
Tài sản dở dang	18.3	11.0	65.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.98	0.98	0.0%
Tài sản dài hạn khác	68.7	60.4	13.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	389	440	-11.6%
Nợ ngắn hạn	371	421	-11.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	90.9	130	-30.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	47.2	38.6	22.3%
Nợ dài hạn	18.3	18.9	-3.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	655	599	9.3%
Vốn chủ sở hữu	655	599	9.3%
Vốn điều lệ	298	298	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	364	378	377	296	360
Giá vốn hàng bán	250	267	276	219	241
Lợi nhuận gộp	113	111	102	77.4	119
Doanh thu HĐTC	4.13	4.02	7.80	3.54	4.34
Chi phí TC	0.51	0.38	0.57	1.05	0.75
Chi phí lãi vay	0.46	0.38	0.53	1.05	0.75
LN trong công ty LKLD	0.18	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	22.6	26.6	30.5	22.3	33.0
Chi phí QLDN	19.0	23.4	24.5	22.3	24.2
LN thuần từ HĐKD	75.5	64.8	54.0	35.4	65.6
Lợi nhuận khác	0.17	-0.08	-0.12	0.56	-0.55
LN trước thuế	75.7	64.7	53.9	35.9	65.1
Lợi nhuận sau thuế	60.4	51.8	42.7	28.7	51.9
LNST của CĐ cty mẹ	60.4	51.8	42.7	28.7	51.9

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	57.9	97.3	-38.0	-22.5	144
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	16.2	58.0	99.4	-37.9	-68.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-45.2	13.9	-24.0	-57.1	-27.2
Tiền đầu kỳ	31.4	60.4	230	266	148
Lưu chuyển tiền thuần	28.9	169	37.3	-118	48.0
Ảnh hưởng tỷ giá	0.08	0.00	0.10	0.00	0.35
Tiền cuối kỳ	60.4	230	267	148	197

(Nguồn: fireant.vn)